TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Bà Bùi Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Minh T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện T, tỉnh S

- Bị đơn: bà Phan Thị D, sinh năm 1978 (vắng mặt, mất tích)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 07/05/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày: Giữa ông và bà Phan Thị D tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau 02 tháng thì bà D tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do. Sau đó, Tòa án Nhân dân quận Ô Môn đã tuyên bố bà Phan Thị D mất tích. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị D, trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung, không có con chung.

* Bị đơn bà Phan Thị D quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng không triệu tập được bà D.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với bà Phan Thị D, do hiện không còn tình cảm, và bà D hiện nay đã mất tích, đến nay vẫn chưa có thông tin gì của bà D. Về nợ chung, tài sản chung và con chung là không có.

Bị đơn bà Phan Thị D vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị D. Giữa ông Trần Minh T và bà Phan Thị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, D a Khoản 1 Điều 35, D a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày sau khi đăng ký kết hôn, ông và bà Phan Thị D chung sống với nhau được khoảng 2 tháng thì bà D bỏ nhà đi biệt tích, ông đã đến địa phương của bà D vẫn không biết được tung tích của bà D. Bà Phan Thị D đã bị Tòa án Nhân dân quận Ô Môn tuyên bố mất tích theo Quyết định số 06 ngày 02/4/2024, đến nay vẫn chưa có thông tin gì về bà D. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung và con chung: Nguyên đơn trình bày không có nên Toà án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp với bà Phan Thị D về tài sản chung, nợ chung, con chung sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Trần Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, D a khoản 1 Điều 35, D a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, D b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Phan Thị D.

- *Về tài sản chung, nợ chung và con chung:* Ông Trần Minh T cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002040 ngày 07/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** *Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái